

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HS-PT

Ngày 15/01/2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng V- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 666/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Lê Đình D và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 698/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Đình D, sinh ngày 15/3/1999; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn M, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị H; vợ, con: Bị cáo tự khai có 2 con sinh năm 2019 và 2025; Tiền án: Bản án số 58/2022/HSST ngày 18/02/2022, bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt truy nã ngày 25/6/2025; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

2. Lê Hồng Q, sinh ngày 09/6/2006; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn M, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T và con bà Nguyễn Thị D1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

3. Đặng Thành L, sinh năm 2001; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S và con bà Phạm Thị N; có vợ là Đào Thị Thu H1 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Bản án số 58/2022/HSST ngày 18/02/2022, bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 13/4/2021, bị Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng; bị cáo đầu thú và tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

4. Ngô Tiến D2, sinh năm 2003; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn P, xã V, huyện Ú, thành phố Hà Nội (nay là xã Ú, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đức H2 và con bà Lê Thị D3; vợ, con: Chưa có; tiền án: Bản án số 24/2023/HSST ngày 26/10/2023, bị Toà án Quân sự khu vực Thủ đô H xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

5. Trương Tú A, sinh ngày 16/8/2006; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn T, xã V, huyện Ú, thành phố Hà Nội (nay là xã Ú, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn B và con bà Nguyễn Thị H3; vợ, con: Chưa có; tiền án: Bản án số 24/2024/HSST ngày 26/10/2023, bị Toà án quân sự khu vực Thủ đô H xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/01/2022, bị Công an xã V, huyện Ú, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức phạt Cảnh cáo; bị cáo bị bắt và bị tạm giam từ ngày 30/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

6. Nguyễn Hữu K, sinh năm 2002; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã B, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T1 và con bà Bùi Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án: Bản án số 165/2023/HSST ngày 28/9/2023, bị Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

7. Ngô Quang A1, sinh năm 2005; nơi ĐKTT: Tổ dân phố A, phường K, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường K, thành phố Hà Nội); chỗ ở: thôn V, xã V, huyện Ú, thành phố Hà Nội (nay là xã Ú, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T2 và con bà Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 284/2024/HSST ngày 24/9/2024, bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị cáo bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

8. Ngô Vy H4, sinh năm 1993; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn P, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Vi V1 và con bà Bùi Thị T3; có vợ là Bùi Thu T4 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

9. Nguyễn Đức T5, sinh năm 2003; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã B, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức P và con bà Nguyễn Thị T6; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

10. Lê Văn H5, sinh ngày 07/5/2006; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn M, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H6 và con bà Nguyễn Thị V2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

11. Lê Xuân T7, sinh ngày 08/5/2006; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn M, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T8 và con bà Tạ Thị M1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

12. Nguyễn Văn G, sinh ngày 19/6/2006; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn M, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 và con bà Bùi Thị T9; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

13. Nguyễn Đạt Hoàng A2, sinh ngày 26/8/2006; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đạt G1 và con bà Nguyễn Thị Ngọc H7; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

14. Dương Tài L2, sinh ngày 06/01/2006; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn L3 và con bà Cao Thị L4; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

15. Hoàng Trung H8, sinh năm 2005; nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H9 và con bà Lê Thị T10; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2024 đến ngày 23/01/2025; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 08/2024, Lê Hồng Q (sinh ngày 09/6/2006; trú tại thôn M, xã T, huyện T, Hà Nội; nay là xã T, Hà Nội) đi trên Quốc lộ B thuộc địa phận thị trấn K, huyện T, Hà Nội (nay là xã T, Hà Nội) thì bị một nam thanh niên nhìn giống Hoàng Trung H8 (sinh năm 2005; trú tại thôn T, xã P, huyện T, Hà Nội; nay là xã T, Hà Nội) điều khiển xe máy đi cùng chiều dùng chân đạp trúng người của Q. Sau khi về nhà, Q nhắn tin qua mạng xã hội Facebook hỏi H8 nhưng H8 không nhận là người đã đạp Q. Q và H8 chửi và thách thức nhau. Sau đó H8 đã xin lỗi Q. Khi H8 đang gọi điện với Q thì bạn H8 là Nguyễn Đình H10 lấy máy điện thoại, gọi điện thách thức rủ đánh nhau với Lê Hồng Q.

Giai đoạn 1 (tập hợp lực lượng của các bị cáo thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng): Khoảng 20 giờ ngày 26/8/2024, tại quán Internet của anh Nguyễn Đình P1 ở thôn T, xã P, huyện T, Hà Nội (nay là xã T, Hà Nội), Nguyễn Đình H10 nhắn tin qua mạng xã hội facebook hẹn Lê Hồng Q khoảng 22 giờ 30 phút đến 23 giờ cùng ngày sẽ gặp Q tại cổng làng C, xã P, huyện T (nay là xã T) để đánh nhau. Sau đó, H10 rủ H8, Lê Minh S1 (sinh ngày 02/02/2007; trú tại thôn T, xã P, huyện T; nay là xã T), Trần Khánh D4 (sinh 23/5/2006; trú tại thôn T, xã P, huyện T; nay là xã T), Phạm Lê Nam K1 (sinh ngày 10/3/2008; trú tại thôn M, xã P, huyện T; nay là xã T) và Lê Minh A3 (sinh ngày 06/12/2008; trú tại thôn K, xã K, huyện T; nay là xã T) cùng đi đánh nhau với Q.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, H10, H8, S1, D4, N và Minh A3 đi từ quán Internet ra sân bóng M ở thôn M, xã P (nay là xã T). Tại đây, H10 gọi thêm Phạm Quốc K2 (sinh ngày 17/8/2008; trú tại thôn T, xã P, huyện T; nay là xã T), Lâm Tăng K3 (sinh ngày 20/02/2008; trú tại thôn Đ, xã K, huyện T; nay là xã T) và Nguyễn Đức T11 (sinh ngày 06/9/2007; trú tại thôn H, xã V, huyện C; nay là xã H) cùng tham gia đi đánh nhau (gọi tắt là nhóm Phương T12). Sau đó, các đối tượng di chuyển đến tập trung tại bãi đất trống ở cánh đồng thôn C, xã C, huyện T (nay là xã D). D4 điều khiển xe máy Honda Vision màu đen không biển kiểm soát chở S1 đến khu vực Nhà văn hóa thôn Q1, xã P (nay là xã T) để lấy 01 thanh đao (dài 78cm, tay cầm bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại tối màu) và quay về nhà S1 lấy thêm 01 con dao (bằng kim loại dài khoảng 30cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng, bản rộng nhất khoảng 03cm, chuôi dao màu vàng) mang đến nơi tập trung ở cánh đồng thôn C, xã C (nay là xã D). Quốc K2 điều khiển xe máy hiệu Honda Wave màu đen (không đeo biển kiểm soát) chở S1 đi đến trước cửa hàng T15 ở thôn T, xã P (nay là xã T) lấy 01 két vỏ chai bia Hà Nội màu nâu; N điều khiển xe máy hiệu Honda Vision màu xám, biển kiểm soát 29X7-678.28 chở Minh A3 đi lấy 01 két vỏ chai bia màu nâu ở cánh đồng xã K để làm hung khí đánh nhau. Sau khi chuẩn bị hung khí xong, H10 thông báo cả nhóm đợi Q và nhóm nam thanh niên ở xã T liên lạc để đánh nhau. Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, nhóm Phương T12 di chuyển bằng 04 xe máy gồm:

- Xe thứ nhất: N điều khiển xe máy hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 29X2-053.52 chở Lê Minh S1 ngồi sau cầm theo 01 con dao và 03 vỏ chai bia.

- Xe thứ hai: Hoàng Trung H8 điều khiển xe máy hiệu Honda Vision màu đen (không đeo biển kiểm soát) chở Phạm Quốc K2 ngồi sau cầm 03 vỏ chai và 01 con dao dài 78cm.

- Xe thứ ba: Trần Khánh D4 điều khiển xe máy hiệu Honda Vision màu xám, biển kiểm soát 29X7-678.28 chở Minh A3 cầm theo 04 vỏ chai bia.

- Xe thứ tư: Nguyễn Đình H10 điều khiển xe máy hiệu Honda Wave trắng (không đeo biển kiểm soát) chở K3 ngồi giữa cầm 02 vỏ chai bia, T11 ngồi sau

cầm 02 vỏ chai bia; đi được khoảng 10m thì K2 đưa con dao dài 78cm cho T11 cầm.

Khi nhóm Phương T12 đang đi thì Lê Hồng Q gọi điện qua mạng xã hội Facebook cho H10 nói: “*Bọn tao đang ở cổng làng Chuông, chúng mày ra đây*”. Do H10 không biết nhóm của Q có bao nhiêu người nên bảo Nam K1 điều khiển xe máy chở S1 cầm theo 01 con dao và 03 vỏ chai bia đi trước để thăm dò nhóm của Q. Sau khi N chở S1 đi được một đoạn thì 03 xe máy còn lại của nhóm Phương T12 đi sau xe của N theo tuyến đường từ cổng C vòng ra ngã tư V - D đi theo Quốc lộ B qua nghĩa trang C3 thuộc thôn T, xã P, huyện T.

Giai đoạn 2 (tập hợp lực lượng của các bị cáo thực hiện hành vi Giết người): Cùng trong thời gian trên, khoảng 21 giờ ngày 26/8/2024, sau khi hẹn đánh nhau với H10 xong, Q đến phòng trọ của Lê Đình D (sinh năm 1999; trú tại thôn M, xã T, huyện T; nay là xã T; là anh họ của Q) ở khu vực chợ B1, xã B gặp Đ và nhóm bạn của Đình D gồm Lê Văn H5 (sinh ngày 07/5/2006; trú tại thôn M, xã T, huyện T; nay là xã T), Đặng Thành L (sinh năm 2001; trú tại thôn T, xã Đ, huyện T; nay là xã T) và Nguyễn Đức T5 (sinh năm 2003; trú tại thôn T, xã T, huyện T; nay là xã T) đang uống rượu. Q đã kể việc mâu thuẫn với nhóm của H10 và H8. Lúc này, H10 gọi điện thoại qua mạng xã hội Facebook cho Q nên Q đưa máy cho Đình D nghe và hẹn đánh nhau với nhóm của H10. Sau đó, Q điều khiển xe máy chở Lê Văn H5 đi đón Lê Xuân T7 (sinh ngày 08/5/2006; trú tại thôn M, xã T, huyện T; nay là xã T) đến phòng trọ của Đình D. Tại đây, Q gọi thêm Nguyễn Văn G (sinh ngày 09/6/2006; trú tại thôn M, xã T, huyện T; nay là xã T) thì G rủ thêm Dương Tài L2 (sinh ngày 06/01/2006; trú tại thôn V, xã Đ, huyện T; nay là xã T) và Nguyễn Đạt Hoàng A2 (sinh ngày 26/8/2006; ở cùng thôn với L2) để đi đánh nhau. Sau đó, T5 gọi điện thoại rủ thêm Ngô Tiến D2 (sinh ngày 31/3/2003; trú tại thôn P, xã V, huyện Ú; nay là xã Ú), Ngô Quang A1 (sinh năm 2005; trú tại thôn V, xã V, huyện Ú; nay là xã Ú), Trương Tú A (sinh ngày 16/8/2006; trú tại thôn T, xã V, huyện Ú; nay là xã Ú) cùng tham gia. Đình D gọi rủ Ngô Vy H4 (sinh năm 2003; trú tại thôn P, xã M, huyện T; nay là xã T) và Nguyễn Hữu K (sinh năm 2002; trú tại thôn T, xã T, huyện T; nay là xã B) đến quán K5 ở xã B (là nơi D làm việc) để chuẩn bị hung khí. Vy H4 cầm 01 thanh kiếm dài khoảng 80cm đến quán K5 đưa cho Đình D. Các đối tượng tập hợp trước cửa quán K5 gồm Lê Đình D, Lê Hồng Q, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Nguyễn Hữu K, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Ngô Quang A1, Đặng Thành L, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2 và Dương Tài L2 (gọi tắt là nhóm Thanh M2) để đi đánh nhau. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, D2 gọi cho Nguyễn Văn H11 (sinh năm 1995; trú tại thôn K, thị trấn K, huyện T; nay là xã T; là lái xe taxi) đến chở các đối tượng đi đánh nhau. H11 gọi thêm Phạm Thế Hoàng L5 (sinh năm 1994; trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện T; nay là xã T; là lái xe taxi) đến quán K5 để chở nhóm D2. Khi các xe taxi đến quán K5 thì Q lấy một số vỏ chai bia thủy

tinh để trong túi nilong phát cho mỗi người khoảng 01 - 02 vỏ chai bia rồi lên xe ô tô của H11 và L5 để đi đánh nhau với nhóm Phương T12.

Giai đoạn 3 (giai đoạn thực hiện hành vi Giết người): Nhóm Thanh M2 di chuyển từ quán K5 gồm:

- Xe máy thứ nhất: Lê Văn H5 điều khiển xe máy hiệu Honda Wave màu trắng (không đeo biển kiểm soát) chở Lê Xuân T7 đi trước tìm nhóm Phương T12 để báo cho Đình D biết. Khi đến trước cửa hàng tạp hoá của chị Bùi Thị G2 (sinh năm 1985) ở tổ A, thị trấn K, huyện T thì T7 lấy thêm 01 kết vỏ chai bia để làm hung khí đánh nhau.

- Xe máy thứ hai: L2 điều khiển xe máy hiệu Honda Wave màu tím than (không đeo biển kiểm soát) chở Nguyễn Văn G và Nguyễn Đạt Hoàng A2, đi phía sau xe của Lê Văn H5. T7 đưa cho L2 khoảng 05 vỏ chai bia, L2 đưa cho G và Hoàng A2 mỗi người 02 vỏ chai bia. Khi đến cầu C, xã P thì T7 đưa thêm cho xe của L2 02 vỏ chai bia và đổi lái cho H5.

- Đi theo sau hai xe máy trên có xe ô tô hiệu Hyundai Grand I10 màu trắng gắn thương hiệu Hải Anh, biển kiểm soát 30E-02343 do Phạm Thế Hoàng L5 điều khiển chở Lê Hồng Q, Ngô Vy H4, Nguyễn Hữu K, Đặng Thành L cầm theo vỏ chai bia, còn Lê Đình D cầm theo thanh kiếm và xe ô tô hiệu Hyundai I10 màu bạc, biển kiểm soát 30F-84260 do Nguyễn Văn H11 điều khiển chở Nguyễn Đức T5, Ngô Tiến D2, Ngô Quang A1 và Trương Tú A, trên xe mỗi người đều cầm theo 01 vỏ chai bia. Khi đi đến cổng làng T, xã P (nay là xã T), do không nhìn thấy xe ô tô của Đình D nên H5 gọi điện thoại qua facebook cho Đình D hỏi đang ở đâu thì Đình D trả lời: *“Anh đang ở gần đây, chúng mày đi tìm xem chúng nó ở đâu, xong rồi báo anh”*. H5 hiểu là Đình D đang ở gần cổng làng T 1 nên H5 tiếp tục đi tìm nhóm Phương T12 để dẫn dụ ra chỗ Đình Dững và đồng bọn ẩn nấp.

Xe ô tô taxi do Phạm Thế Hoàng L5 tiếp tục đi phía sau hai xe máy do T7 chở H5, L2 chở G và Hoàng A2 điều khiển đến trước cổng chào thôn T, xã P (đối diện nghĩa trang C3) thì dừng lại. Lê Đình D cầm thanh kiếm dài 80cm, Lê Hồng Q cùng Ngô Vy H4, Nguyễn Hữu K và Đặng Thành L cầm vỏ chai bia xuống xe. Xe ô tô taxi do Nguyễn Văn H11 điều khiển cũng dừng sau xe ô tô của Hoàng L5 để Nguyễn Đức T5, Ngô Tiến D2, Ngô Quang A1 và Trương Tú A xuống xe. Đình D bảo các lái xe taxi: *“đỗ xa ra”* và bảo cả nhóm nhặt thêm gạch làm hung khí, rồi tất cả núp ở sau chiếc xe tải màu xám (không có người) đang đỗ trên vỉa hè Quốc lộ B hướng quận H đi huyện T để đợi nhóm Phương T12 đi qua sẽ xông ra ném.

Các xe máy của nhóm Phương T12 do Nam K1 điều khiển chở S1 đi trước, H8 chở Phạm Quốc K2, D4 chở Minh A3, H10 chở K3 và T11 đi sau từ cánh đồng thôn C, xã C theo đường T ra Quốc lộ B. Khi đến trước nghĩa trang C3 thuộc thôn T, xã P thì tất cả thấy xe máy của T7 điều khiển chở H5 và xe của L2 chở G, Hoàng A2 đi chậm ngược chiều. Khi đi đến cổng làng C thì Nam K1 chở S1 vòng

lại đuổi theo xe của T7 và L2 với tốc độ 70 - 80 Km/h, rẽ phải vào cổng làng T, xã P. Sau đó, xe của L2 chở G và Hoàng A2 bỏ chạy thoát vào trong làng. Nhóm Phương T12 tiếp tục đuổi theo xe máy của T7 chở H5 theo đường mương thủy nông L về cầu C, rẽ phải ra cầu L đi theo Quốc lộ B đến cổng làng Tân Dân 1. Khi xe của Nam K1 và xe của H8 đi qua chỗ xe ô tô tải màu xám đỗ bên lề đường thì bị Lê Đình D, Lê Hồng Q, Trương Tú A, Nguyễn Đức T5, Đặng Thành L, Ngô Vy H4, Ngô Tiến D2, Ngô Quang A1 và Nguyễn Hữu K lao ra giải phân cách cứng giữa đường ném gạch và vỏ chai bia về phía xe của N và xe của H8. H5 cũng xuống xe quay lại ném 01 vỏ chai bia về phía nhóm Phương T12. N bị nhóm của Đình D ném trúng vùng đầu phía sau nên vừa điều khiển xe máy, vừa dùng tay trái ôm vết thương ở đầu, đi loạng choạng thêm khoảng 20 - 30m thì đâm vào dải phân cách cứng trên đường. N bị ngã xuống đường nằm bất tỉnh trên mặt Quốc lộ B, sát với dải phân cách, còn S1 bị hất văng sang bên đường (hướng Dân H đi P) rồi đứng dậy chạy vào khu nghĩa trang C3 để trốn. Thấy vậy, Lê Đình D cầm kiếm chạy về phía N nhưng không chém và chạy sang đường thì gặp Lê Văn H5 đón. H10 điều khiển xe máy đi phía sau thấy đông người nên quay đầu bỏ chạy, còn T11 và K3 ngồi sau cầm vỏ chai bia ném về phía nhóm của Q nhưng không trúng. H8 chở Quốc K2 đi về ngã tư V gặp D4 chở Minh A3, rồi cùng nhau quay lại chỗ N để đưa N đi cấp cứu tại Bệnh viện Q2, còn S1 đi sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện T.

Sau khi ném vỏ chai bia vào nhóm Phương T12 xong, Ngô Tiến D2 và Ngô Vy H4 trốn ở khu nghĩa trang C3. Tiến Dũng gọi điện thoại qua mạng xã hội Facebook cho Đình D bảo xe taxi qua đón. Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Văn H11 điều khiển xe ô tô taxi chở Ngô Quang A1 và Lê Hồng Q qua cổng làng Chuông đón Lê Đình D (do H5 chở Đình D đến) rồi đi về quán K5. Khi về đến quán, Đình D và Q xuống xe, còn Quang A1 và H11 tiếp tục quay lại nghĩa trang C4 để đón Vy H4 và Tiến D2. Còn xe ô tô taxi của Phạm Thế Hoàng L5 đang đỗ ở Quốc lộ số B (cách vị trí N nằm bất tỉnh khoảng 20m) thì có Nguyễn Hữu K, Nguyễn Đức T5, Trương Tú A và Đặng Thành L chạy đến và lên xe ô tô của Hoàng L5 để chở về quán K5. Sau đó, tất cả các đối tượng lấy xe máy đi về nhà.

Hậu quả: Phạm Lê Nam K1 bị gãy hai xương cẳng tay trái, vết thương vùng đỉnh trái và vùng thái dương, vỡ hộp sọ, chấn thương sọ não, đã tử vong hồi 23 giờ 44 phút ngày 26/8/2024 tại Bệnh viện Q2. Lê Minh S1 bị vết thương rách da, xây sát da và có đơn xin từ chối giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường dân sự.

Sau khi vụ án xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã phối hợp với các Cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, trưng cầu giám định pháp y tử thi đối với Phạm Lê Nam K1. Kết quả như sau:

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án hồi 06 giờ ngày 27/8/2024, xác định:

“... Nơi xảy ra sự việc tại Quốc lộ B (đoạn qua trước nghĩa trang xã P và cổng làng văn hóa thôn T) thuộc địa phận xã P, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc lộ B nằm theo trục B - Nam, trong đó phía Bắc hướng đi quận H, phía Nam hướng đi xã V. Quốc lộ B (đoạn qua trước nghĩa trang xã P và cổng làng văn hóa thôn T) có 02 làn đường, mỗi làn đường rộng 11m trải nhựa, ở giữa là dải phân cách cứng rộng 1,3m, cao 30cm, trên có trồng các cây cau vàng và mọc nhiều cây dại. Tại làn đường hướng đi V (làn đường phía Tây), vị trí cách mép vỉa hè phía Tây 2,8m, cách trụ cổng bên phải làng văn hoá thôn T là 11m có đám mảnh thủy tinh vỡ màu nâu diện (1,2x02)m (vị trí số 1). Cách (vị trí số 1) 10m về phía Đông Nam trên lòng đường có đám các mảnh thủy tinh vỡ màu nâu diện (1,5x02)m (vị trí số 2). Cách (vị trí số 2) 2,6m về phía Nam, nền đường có vết cày trượt bám chất bẩn màu đen dài 2,6m, chiều hướng vết từ Bắc về N, đầu vết tại vị trí nói trên, cuối vết sát thành phía Tây dải phân cách (vị trí số 3). Thẳng điểm cuối vết cày trượt lên dải phân cách, tại mặt trên dải phân cách có vết cày vỡ bê tông kích thước (26x10)cm, đuôi vết về phía Bắc có bám dính vết chất màu đen, cách vết vỡ bê tông 43cm về phía Nam có vết cày vỡ bê tông kích thước (28x07)cm, đuôi vết về phía Nam có bám dính vết chất màu đen dài 75cm (vị trí số 4). Dưới vết cày thứ hai, tại thành phía Tây dải phân cách có vết cày trượt bê tông bám chất màu đen dài 87cm. Từ vị trí tương ứng vết thứ hai cách 40cm về phía Tây, dưới lòng đường có nhiều mảnh thủy tinh vỡ màu nâu và 01 chiếc dép tông màu đen nhãn hiệu Burberry, dép bị đứt quai (chiếc chân trái). Cách (vị trí số 4) 5,6m về phía Nam, các lá cây dại trên dải phân cách có bám dính chất màu nâu đỏ trên diện (60x30)cm (vị trí số 5). Các cây cỏ và cây cau vàng từ (vị trí số 4) về (vị trí số 5) bị đổ rạp theo hướng từ Bắc về N, nền đất khu vực này rải rác nhiều mẫu đá, gạch vụn. Cách (vị trí số 4) 2,8m về phía Nam, trên dải phân cách, lẫn trong đám cỏ có 01 vỏ chai bia nhãn hiệu Hanover bằng thủy tinh màu nâu còn nguyên hình dạng. Tương ứng vị trí diện chất màu nâu đỏ dính trên lá cây xuống lòng đường có diện chất màu nâu đỏ dạng đọng khô mờ kích thước (1,4x0,7)m. Cách (vị trí số 5) 6,3m về phía Nam, trên dải phân cách có khóm cây cau vàng, thân các cây trong khóm bị gãy gập hướng từ Bắc về N, mặt phía Bắc, dưới các vị trí gãy gập có các vết dập nát thân cây (vị trí số 6). Thẳng vị trí khóm cây xuống làn đường phía Tây, cách dải phân cách 43cm, trên lòng đường có chiếc dép tông màu đen, quai có chữ Tiên Toàn (chiếc chân trái).

Thẳng cách (vị trí số 6) 52cm về phía Nam, trên dải phân cách có 01 xe máy hiệu Wave biển kiểm soát 29X2.053.52 màu đen đỏ nằm nghiêng trái, đầu xe hướng phía Bắc (vị trí số 7). Trên thân xe bên trái dính nhiều bùn đất, vị trí sát dưới yên có dính đám chất màu vàng diện (20x06)cm, bánh xe phía trước bên phải có dính đám chất màu vàng diện (06x10)cm. Xe bị cong gập để chân bên trái, yếm xe bên trái và chắn bùn trước bị nứt vỡ. Xe không cắm chìa khóa, ổ khóa điện ở vị trí OFF, cần số ở vị trí số 0. Cách (vị trí số 7) 10m về phía Tây Nam, khu vực sát vỉa hè phía Tây đường rải rác có nhiều mảnh thủy tinh vỡ màu nâu diện (10x05)m (vị trí số 8). Ngang cách (vị trí số 7) 40cm về phía Đông, trên làn đường

hướng đi H có 01 chiếc dép tông màu đen nhãn hiệu Burberry bị đứt quai (chiếc chân phải) (vị trí số 9).

Từ cổng làng văn hóa thôn T vào trong có đoạn đường trải bê tông rộng 4,5m, cách cổng làng 15m, giữa đường có đám mảnh thủy tinh vỡ màu nâu diện (01x1,2)m (vị trí số 10). Tiếp vào trong, cách cổng làng 37m, giữa đường có đám mảnh thủy tinh vỡ màu nâu diện (02x1,5)m (vị trí số 11). Trên vỉa hè phía Tây đường 21B, cách mép vỉa hè 1,2m, cách trụ cổng bên trái Làng văn hóa thôn T là 07m về phía Đông Nam có 01 vỏ chai bia hiệu Hanover, chai thủy tinh màu nâu còn nguyên hình dạng (vị trí số 12). Cách chiếc dép tông chân trái ghi chữ Tiên Toàn 19,5m về phía Đông Nam, sát mép vỉa hè phía Đông đường 21B, dưới lòng đường có chiếc dép đặc điểm tương tự (chiếc chân phải) (vị trí số 13). Trong thôn T, cách trục đường T của xóm T 15m về phía Bắc, sát tường sau trường tiểu học P3 có 01 xe máy Honda Wave màu sơn trắng, xe không đeo biển kiểm soát, ổ khóa không cắm chìa khoá, cần số ở vị trí số 1, xe dựng chân chống nghiêng, đầu xe hướng phía Bắc (vị trí số 14)...”

Vật chứng thu giữ:

Quá trình khám nghiệm hiện trường và điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

- Thu giữ tại hiện trường: Các mảnh thủy tinh vỡ ở các vị trí số 01 - 02 - 08 - 10 - 11; 01 vỏ chai bia Hanover ở vị trí số 12; 01 vỏ chai bia Hanover trên dải phân cách, mẫu bê tông dính chất màu đen; 04 dép tông; mẫu cây cau vàng; 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 29X2-053.52, có số khung RLHJA392XNY200044, số máy JA39E-2696967 và 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu trắng, không đeo biển kiểm soát, có số khung RLHJA3905HY660294 và số máy JA39E-0635256.

- Dẫn giải bị cáo Nguyễn Đức T11 đến vị trí cất giấu vật chứng, thu giữ: 01 thanh đao dài 78cm, phần lưỡi đao bằng kim loại dài 55,5cm, chuôi đao gỗ dài 22,5 cm.

- Thu giữ do ông Dương Văn L3 (sinh năm 1979; trú tại thôn V, xã Đ, huyện T; nay là xã T; là bố của bị cáo Dương Tài L2) giao nộp: 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu tím than, không đeo biển kiểm soát, có số khung RLHJA393XPY107696, số máy JA07E0155657 và 01 giấy chứng đăng ký xe máy biển kiểm soát 29X7-674.95 mang tên Dương Tài L2 (bản phô tô).

- Thu giữ do ông Lê Văn C1 (sinh năm 1979; trú tại thôn K, xã K, huyện T; nay là xã T; là bố của Lê Minh A3) giao nộp: 01 chiếc xe máy hiệu Honda Vision màu xám, biển kiểm soát 29X7-678.28, có số khung RLHJK0358PZ207649, số máy JK03E-7907698 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 29X7-678.28 mang tên Lê Văn C1 (bản phô tô).

- Đối với con dao dài khoảng 30cm do Lê Minh S1 mang theo người, trong quá trình di chuyển và bỏ chạy, S1 đã làm rơi ở trên đường, không xác định được vị trí làm rơi con dao. Do đó, Cơ quan điều tra không thu giữ được con dao trên.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 6939/KLGĐTT-KTHS ngày 01/10/2024 của Phòng K6 - Công an thành phố H về nguyên nhân chết của nạn nhân Phạm Lê Nam K1, kết luận:

“...1. Các kết quả chính:

1.1. Kết quả khám nghiệm:

- Trên cơ thể nạn nhân có các vết sây sát, tụ máu và rách da. Trật khớp xương đòn phải và vai phải. Gãy hai xương cẳng tay trái.

- Vùng đỉnh trái và vùng thái dương, đỉnh trái có vết thương rách da, bờ mép nham nhở, xung quanh sây sát, tụ máu. Xương hộp sọ bị vỡ, sập lún. Vỡ xương trần ổ mắt bên trái. Chảy máu não hai bên bán cầu đại não.

- Xương sườn, xương ức không tổn thương. Khoang ngực, ổ bụng không có máu. Tim, phổi, gan, lách, thận không có tổn thương thủng, rách, vỡ. Trong dạ dày có thức ăn.

1.2. Kết quả xét nghiệm, giám định khác:

- Xét nghiệm máu: Trong mẫu máu của nạn nhân không có Ethanol, các chất ma túy, các chất độc nêu trên.

- Xét nghiệm mô bệnh học: Dập não, phù não và xuất huyết khoang dưới nhện; Các tạng sung huyết. Máu nạn nhân thuộc nhóm máu: AB.

2. Kết luận: Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não. Thương tích có trên cơ thể nạn nhân do va đập với vật tày gây nên...”

Tại bản Kết luận giám định 7991/KL-KTHS ngày 29/10/2024 của Phòng K6 - Công an thành phố H kết luận về dấu vết va chạm của xe máy, như sau:

“...Dấu vết trượt xước, bám dính chất màu nâu (dạng vỏ cây) ở mặt ngoài bên phải đầu cung trước chắn bùn bánh trước, phía trên ốp nhựa đầu xe, yếm chắn gió bên trái xe mô tô biển số 29X2-053.52 có chiều từ trước về sau (ảnh 4, 6, 7 trong bản ảnh giám định). Các dấu vết này có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với thân cây.

- Dấu vết trượt xước ở mặt ngoài giảm xóc trước bên trái, phía trên vỏ ốc máy bên trái, đầu bàn đạp chân trước bên trái, đầu bàn đạp chân sau bên trái xe mô tô biển số 29X2-053.52 có chiều từ trước về sau (ảnh 8, 9, 10, 11 trong bản ảnh giám định). Các dấu vết này có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với vật có bề mặt cứng, nhám (mặt đường bê tông, vỉa hè).

- Dấu vết trượt xước, bám dính chất màu nâu (dạng bùn đất) ở mặt ngoài ốp sườn bên trái xe mô tô biển số 29X2-053.52 có chiều từ trước về sau (ảnh 12 trong bản ảnh giám định). Dấu vết này có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với bùn đất.

- Các dấu vết khác ở xe mô tô biển số 29X2-053.52 được ghi nhận trong “Biên bản khám phương tiện” của Công an huyện T hiện tại không rõ, không đủ yếu tố giám định.
- Kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết va chạm với phương tiện khác ở xe mô tô biển số 29X2-053.52...”

Sau khi phạm tội, Lê Đình D bỏ trốn khỏi nơi cư trú, ngày 25/9/2024 Cơ quan điều tra đã khởi tố bị cáo đối với Lê Đình D về tội Giết người; đồng thời ra quyết định truy nã D nhưng chưa bắt được. Ngày 14/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định tách vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị cáo và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị cáo đối với D.

Ngày 25/6/2025, Lê Đình D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt theo Quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra, Lê Đình D khai nhận hành vi phạm tội.

Đối với Lê Minh A3 có hành vi mang hung khí, đuổi đánh nhau, có dấu hiệu phạm vào tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi thì Minh A3 mới 15 năm 08 tháng 20 ngày tuổi nên chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 16/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện T ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường.

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 29X2-053.52, thu giữ tại hiện trường vụ án. Kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn C2 (sinh năm 1980; trú tại thôn H, xã V, huyện C, Hà Nội; nay là xã H, Hà Nội; là bố của Nguyễn Đức T11). Ông C2 sử dụng chiếc xe hàng ngày, không biết việc tối ngày 26/8/2024, T11 tự ý lấy xe để đi, sau đó đưa cho Nam K1 điều khiển chở S1. Chiếc xe máy trên bị hư hỏng nhẹ nên ông C2 không yêu cầu định giá thiệt hại và không có yêu cầu bồi thường gì. Ông C2 không biết T11 tự ý lấy xe máy đi chơi, sau đó có hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập, xử lý ông C2 về hành vi Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu tím than, không biển kiểm soát, số khung RLHJA393XPY107696, số máy JA07E0155657. Kết quả điều tra xác định chiếc xe máy trên của bị cáo Dương Tài L2.

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda Vision màu xám, biển kiểm soát 29X7-678.28. Kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn C1 (sinh năm 1979; trú tại thôn K, xã K, huyện T, Hà Nội; nay là xã T, Hà Nội; là bố của Lê Minh A3). Ông C1 sử dụng chiếc xe hàng ngày, không biết việc Minh A3 đã tự ý lấy xe đi tối ngày 26/8/2024. Kết quả điều tra xác định ông C1 không biết Lê Minh A3 tự ý lấy xe máy đi chơi, sau đó có hành vi vi phạm pháp

luật. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập, xử lý ông C1 về hành vi Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu trắng, không biển kiểm soát, có số khung RLHJA3905HY660294, số máy JA39E-0635256. Kết quả xác định chiếc xe trên được đăng ký mang tên anh Dư Quang P2 (sinh năm 1993; trú tại thôn Đ, xã C, huyện T, Hà Nội; nay là xã B, Hà Nội). Xác minh tại nơi cư trú, anh P2 không có mặt ở địa phương nên không ghi được lời khai. Tại Cơ quan điều tra, Trần Khánh D4 khai chiếc xe trên mượn của bạn gái tên là Thanh D5 (sinh năm 2008; trú tại xã B, huyện T, Hà Nội; nay là xã B, Hà Nội). Cơ quan điều tra tiến hành xác minh không có ai tên Thanh D5 ở địa chỉ trên. Ngày 14/02/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định tách rút tài liệu liên quan đến chiếc xe máy trên để xử lý sau.

Đối với hành vi điều khiển xe máy chưa có giấy phép lái xe của Phạm Quốc K2, Nguyễn Đức T11, Lê Minh A3, Lê Minh S1 và Lâm Tăng K3 đã vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ. Cơ quan điều tra đã gửi tài liệu và văn bản đến Công an huyện T để xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên theo thẩm quyền.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, ông Phạm Văn T13 (sinh năm 1984; trú tại thôn M, xã P, huyện T, Hà Nội; nay là xã T, Hà Nội; là bố của bị hại Phạm Lê Nam K1) yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 700.000.000 đồng. Gia đình 09 bị cáo gồm Lê Xuân T7, Lê Hồng Q, Lê Văn H5, Nguyễn Văn G, Ngô Tiến D2, Nguyễn Đức T5, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Ngô Vy H4, Nguyễn Đạt Hoàng A2, Dương Tài L2 đã bồi thường cho ông Phạm Văn T13 số tiền 530.000.000 đồng. Ông T13 đã nhận số tiền trên và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối cho các bị cáo Xuân T7, Hồng Q, Văn H5, V, Tiến D2, Đ, H, Quang A1, V, Hoàng A2, T và yêu cầu các bị cáo còn lại phải bồi thường số tiền 170.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 698/2025/HS-ST ngày 24/9/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Áp dụng các Điều 106, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 591 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí; Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2 và Dương Tài L2 phạm tội “Giết người”.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Trung H8 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về áp dụng pháp luật và hình phạt đối với các bị cáo:

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 39; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Đình D tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2025.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Đặng Thành L 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 56; Khoản 5, Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Ngô Tiến D2 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù giam của Bản án số 24/2024/HSST ngày 26/10/2023 của Tòa án Quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 19 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 56; Khoản 5, Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Trương Tú A 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt 10 tháng tù giam của Bản án số 24/2024/HSST ngày 26/10/2023 của Tòa án Quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 17 năm 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 56 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ của Bản án số 165/2023/HSST Ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Bị cáo đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 11/12/2023 đến ngày 29/8/2024 (tổng thời gian chấp hành 08 tháng, 18 ngày) 09 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ nay được chuyển thành 03 tháng 04 ngày tù; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 17 năm 03 tháng 04 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 36; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Ngô Quang A1 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng của bản án số 284/2024/HSST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024. (Được trừ thời gian tạm giữ của Bản án số 284/2024/HSST ngày 24/9/2024 từ ngày 24/6/2024 đến ngày 03/7/2024).

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Ngô Vy H4 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T5 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Văn H5 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Xuân T7 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 9 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đạt Hoàng A2 9 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Dương Tài L2 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Hoàng Trung H8 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2025, các bị cáo Lê Đình D, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Dương Tài L2 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 01/10/2025, các bị cáo Lê Hồng Q, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Nguyễn Đạt Hoàng A2 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 03/10/2025, bị cáo Ngô Vy H4 kháng cáo xin giảm hình phạt, bị cáo Hoàng Trung H8 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo giữ nguyên lời khai, giữ nguyên kháng cáo. Trình bày các ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Mẹ bị cáo Lê Xuân T7 trình bày bị cáo có bệnh một mắt giảm thị lực, cắt ruột già, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Gia đình đã nộp thay biên lai thu tiền án phí.

Nguyễn Đạt Hoàng A2 tác động gia đình nộp án phí, mẹ bị cáo tại phiên

toà trình bày bị cáo tập trung học hành, không có biểu hiện gì chơi bời lêu lổng, ngày xảy ra sự việc là sinh nhật bị cáo, đang đi cùng các bạn mục đích là sinh nhật không ngờ lại bị lôi kéo vào cùng vi phạm. Mong muốn bị cáo được giảm nhẹ, quá trình chấp hành án và về địa phương gia đình bị cáo sẽ sát sao để bị cáo cải tạo tốt.

Gia đình bị cáo Hoàng Trung H8 hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo có bệnh phế quản mẫn tính, hở van tim, em viêm màng não bẩm sinh. Ông bị cáo tham gia cách mạng, là Liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến. Gia đình bị cáo xin bảo lãnh.

Lê Hồng Q gia đình đã nộp tiền án phí sơ thẩm có đơn xác nhận ông B tham gia quân đội, bà Nguyễn Thị D6 được tặng nhiều giấy khen. Bị cáo Q trình bày đây là ông bà ngoại bị cáo. Tuy nhiên không có tài liệu xác nhận giữa bị cáo và những người này.

Ngô Tiến D2, Dương Tài L2, Trương Tú A, Ngô Quang A1, Nguyễn Văn G, Lê Xuân T7, Lê Hồng Q, Lê Đình D, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5 đều được gia đình nộp án phí sơ thẩm. Nguyễn Đức T5, Lê Hồng Q ủng hộ bảo lữ 500k.

Bị cáo Nguyễn Hữu K gia đình có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, đã nộp án phí, cụ bị cáo là Liệt sĩ. Xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Đức T5 đã từng tham gia quân đội, ông ngoại là thương binh. Xin giảm hình phạt.

Bị cáo Ngô Vi H12 mẹ viết đơn xin giảm nhẹ, bố bị bệnh bàng quan.

Bị cáo Ngô Tiến D2 xuất trình bản phô tô liệt sĩ Ngô Văn G3, Huân chương ông Ngô Văn K4, bà Phạm Thị Thu H13 (nhưng không thể hiện quan hệ với bị cáo).

Nguyễn Văn G có đơn của bố bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình, ông ngoại là thương binh được tặng 1 Huân chương nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương về vấn đề này.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: các bị cáo Lê Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2 và Dương Tài L2 bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS; bị cáo Hoàng Trung H8 bị xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm c khoản 2 Điều 318 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án chưa xoá, đã được tổng hợp hình phạt đúng và đầy đủ. Các bị cáo tái phạm đã được áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về kháng cáo của các bị cáo: Xét thấy các bị cáo vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, tụ tập nhau, chuẩn bị hung khí, phân công để ẩn nấp đánh bị hại. Ba bị cáo T7, H5 đi xe máy dẫn bị hại để các bị cáo trong nhóm phục kích ném gạch chai bia, gây hậu quả bị hại tử vong. Hành vi của các bị cáo rất nghiêm trọng, nguy hiểm. Toà án cấp sơ thẩm phân hoá vai trò các bị cáo đã phù hợp, tại phiên toà phúc thẩm các tài liệu mới nộp để xin giảm nhẹ hình phạt không đáng kể. Trong giai đoạn hiện nay có hiện tượng các thanh thiếu niên ở một số địa phương vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, tụ tập nhau chuẩn bị hung khí di chuyển trên đường đến nơi hẹn đánh nhau, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, hoang mang lo lắng trong nhân dân. Do đó, hình phạt Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo phù hợp, tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo trong nhóm chạy vào làng, trong đó bị cáo L2 cầm lái, bị cáo G và Hoàng A2 ngồi sau, hành vi của các bị cáo ít nguy hiểm hơn nhưng các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo không đáng kể do đó không có cơ sở đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo L2 và G. Bị cáo Hoàng A2 tác động gia đình nộp án phí; ngày xảy ra vụ việc, bị cáo vừa đủ 18 tuổi, nhận thức có phần hạn chế, mẹ bị cáo tham gia phiên toà trình bày ý kiến cam đoan theo sát để động viên giáo dục bị cáo trong quá trình thi hành án và sau khi chấp hành xong hình phạt, thể hiện sự trách nhiệm trong giáo dục cải tạo bị cáo. Có cơ sở để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo H8 bị cáo đã xin lỗi bị cáo Q. Tuy nhiên, khi H10 gọi điện cho Q thì H10 lại chủ động thách thức Q gây mâu thuẫn và hẹn đánh nhau. Sau đó H10 là người tập hợp nhóm Phương T12 để đi giải quyết mâu thuẫn với nhóm Q, D2. Sau khi N1 bị đánh, Hiếu chủ Đ quay lại đưa N1 đi cấp cứu. Gia đình bị cáo có đơn trình bày và xin bảo lãnh, bị cáo có công việc nghề nghiệp, gia đình theo dõi kèm cặp. Nên có thể chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Lê Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Dương Tài L2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Điều 357 BLHS, sửa quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm, giảm cho Nguyễn Đạt Hoàng A2 từ 3 đến 6 tháng tù, giảm cho bị cáo Hoàng Trung H8 1 năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ

vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của bị cáo, ý kiến của Luật sư, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại gì. Do đó hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo Lê Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2, Dương Tài L2, Hoàng Trung H8 trong hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các vật chứng thu giữ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn ban đầu, H8 đã xin lỗi Q; nhưng H10 và Q lại thách thức rủ đánh nhau. Ngày 26/8/2024, H10 gọi điện thoại cho Q và Đình D hẹn 22 giờ 30 phút ngày 26/8/2024 đến cổng làng C, thuộc xã P, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội) để đánh nhau.

Nhóm Thanh M2 do Q rủ D và tập hợp các bị cáo Lê Văn H5, Đặng Thành L, Nguyễn Đức T5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Dương Tài L2, Nguyễn Đạt Hoàng A2, Ngô Tiến D2, Ngô Quang A1, Trương Tú A, Ngô Vy H4 và Nguyễn Hữu K đến quán K5 ở xã B, huyện T, thành phố Hà Nội để chuẩn bị hung khí đi đánh nhau với nhóm Phương T12.

Nhóm Phương T12 do H10 cầm đầu, tập hợp Hoàng Trung H8, Lê Minh S1, Trần Khánh D4, Phạm Lê Nam K1, Lê Minh A3, Phạm Quốc K2, Lâm Tăng K3 và Nguyễn Đức T11 tại bãi đất trống ở cánh đồng thôn C, xã C, huyện T (nay là xã D) để chuẩn bị hung khí đi đánh nhau.

Hành vi diễn biến xảy ra theo đúng như các bị cáo đã khai báo được thể hiện tại phần đầu bản án. Các bị cáo trong nhóm Thanh M2 chia làm hai nhóm, một nhóm dùng xe máy ra thăm dò và dẫn dụ nhóm Phương T12 vào nơi nhóm còn lại của Thanh M2 chờ sẵn để nhóm chờ sẵn đánh. Hậu quả làm N bị chết. Các bị cáo chịu trách nhiệm chung về tội giết người. Các bị cáo trong nhóm Phương T12 tham gia tụ tập hẹn đánh nhau, gây mất trật tự công cộng hậu quả chết người; cùng chịu trách nhiệm hình sự về tội Gây rối trật tự công cộng. Tòa án cấp sơ

thẩm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật với các bị cáo Lê Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Ngô Quang A1, Nguyễn Hữu K, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2 và Dương Tài L2 phạm tội Giết người với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n, khoản 1, Điều 123 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Trung H8 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" với tình tiết định khung theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về hình phạt đối với các bị cáo:

Khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo, HĐXX sơ thẩm đã xem xét đến vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[3.1] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc mâu thuẫn giữa Lê Hồng Q và Hoàng Trung H8. Sau đó H8 đã xin lỗi Q, nhưng H10 lại lấy điện thoại chửi nhau và thách thức hẹn Q đánh nhau. Q kể lại cho Lê Đình D (là anh họ của Q nghe), D và Q cùng rủ rê, lôi kéo các đối tượng khác thực hiện hành vi phạm tội, cùng chuẩn bị hung khí (vỏ chai bia từ quán mang đi) để thực hiện hành vi phạm tội; D và Q cũng là người trực tiếp ném gạch và vỏ chai bia về phía xe của N, gây ra cái chết cho Nam K1 do đó D và Q có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo T5, L khi đang uống rượu cùng bị cáo Lê Đình D được Lê Hồng Q kể lại việc mâu thuẫn với nhóm của H8, dù không có mâu thuẫn gì nhưng các bị cáo tích cực tham gia cùng nhóm của bị cáo D, bị cáo T5 gọi thêm Ngô Tiến D2, Ngô Quang A1, Trương Tú A. Bị cáo Ngô Vy H4, Nguyễn Hữu K được D2 rủ rê lôi kéo (trong đó bị cáo Vy H4 là người cầm kiếm đến đưa cho D2). Các bị cáo đều có vai trò cùng bị cáo Lê Hồng Q, Lê Đình D trực tiếp tham gia ném gạch và vỏ chai bia về phía xe của N do đó các bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo D, Q nhưng cùng có hành vi ném gạch vỏ chai bia, trực tiếp gây ra hậu quả chết người trong vụ án.

Các bị cáo Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2 và Dương Tài L2 do Đình D và Q rủ đến, tập trung tại quán K5 do D làm quản lý, để chuẩn bị vỏ chai bia. Sau đó Lê Văn H5 chở T7; L2 điều khiển xe máy chở G và Hoàng A2 đi trước 02 xe taxi, tìm nhóm Phương T12 để đưa ra chỗ D và các bị cáo khác ẩn nấp. Nên cũng phải chịu trách nhiệm về tội giết người. Trong đó H5 và T7 trực tiếp dẫn bị hại chạy đến chỗ ẩn nấp lên vai trò nguy hiểm hơn. T7 là người chủ động lấy vỏ chai bia phân phát cho các bị cáo đi xe máy. L2 chở G và Hoàng A2 bỏ chạy vào trong làng, không dẫn dụ được bị hại đến nơi D và các bị cáo khác ẩn nấp nên vai trò ít nguy hiểm hơn.

[3.2] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Đình D, Đặng Thành L có 01 tiền án về tội Gây rối trật tự công cộng, phạm tội khi chưa được xóa án tích; Bị cáo L nhân thân đã bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo Ngô Tiến D2, Trương Tú A có 01 tiền án về tội Gây rối

trật tự công cộng, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của bản án treo; Bị cáo Tú A nhân thân bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo Nguyễn Hữu K có 01 tiền án về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; Lấn phạm tội này của các bị cáo Lê Đình D, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Nguyễn Hữu K thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 51 BLHS. Các bị cáo Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K phạm tội trong thời gian thử thách của bản án treo và chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các bản án; là đúng pháp luật.

Đối với Ngô Quang A1: Ngày 24/9/2024, bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng (thời điểm phạm tội ngày 26/8/2024, bản án trên chưa có hiệu lực pháp luật) nên Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi không tính bị cáo tái phạm và đã áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các bản án.

Các bị cáo Lê Hồng Q, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2, Dương Tài L2, Hoàng Trung H8 phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án cấp sơ thẩm xét cho bị cáo:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS; Các bị cáo Lê Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Ngô Quang A1, Nguyễn Hữu K, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2 và Dương Tài L2 đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo trừ bị cáo Trương Tú A do đó Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS đối với các bị cáo trên.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2 và Dương Tài L2, các bị cáo có vai trò giúp sức trong vụ án, không trực tiếp gây ra cái chết của bị hại, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 51 BLHS nên Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi xem xét áp dụng Điều 54 BLHS cho các bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[3.4] Về các tình tiết bị cáo và Luật sư xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn G nộp án phí sơ thẩm, đơn xin giảm nhẹ hình phạt, Bộ bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của Công an xã (nhưng trong đó công an không xác nhận ông Bùi Văn H14 có quan hệ gì với bị cáo).

Mẹ bị cáo Lê Xuân T7 trình bày bị cáo có bệnh một mắt giảm thị lực, cắt ruột già, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Gia đình đã nộp thay biên lai thu tiền án phí.

Nguyễn Đạt Hoàng A2 tác động gia đình nộp án phí, mẹ bị cáo tại phiên tòa trình bày bị cáo tập trung học hành, không có biểu hiện gì chơi bời lêu lổng, ngày xảy ra sự việc là sinh nhật bị cáo, đang đi cùng các bạn mục đích là sinh nhật không ngờ lại bị lôi kéo vào cùng vi phạm. Mong muốn bị cáo được giảm nhẹ, quá trình chấp hành án và về địa phương gia đình bị cáo sẽ sát sao để bị cáo cải tạo tốt.

Gia đình bị cáo Hoàng Trung H8 hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo có bệnh phế quản mẫn tính, hở van tim, em viêm màng não bẩm sinh. Ông bị cáo tham gia cách mạng, là Liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến. Gia đình bị cáo xin bảo lãnh.

Gia đình bị cáo Nguyễn Hữu K có đơn trình bày: hoàn cảnh khó khăn, đã nộp án phí, cụ bị cáo là Liệt sĩ (đơn không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Đức T5 đã từng tham gia quân đội, ông ngoại là thương binh. Xin giảm hình phạt.

Mẹ bị cáo H4 viết đơn xin giảm nhẹ trình bày, bố bị cáo bị bệnh bàng quang. Xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Ngô Tiến D2 xuất trình bản phô tô liệt sĩ Ngô Văn G3, Huân chương ông Ngô Văn K4, bà Phạm Thị Thu H13 (nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Lê Hồng Q gia đình đã nộp tiền án phí sơ thẩm có đơn xác nhận ông B tham gia quân đội, bà Nguyễn Thị D6 được tặng nhiều giấy khen. Bị cáo Q trình bày đây là ông bà ngoại bị cáo. Tuy nhiên không có tài liệu xác nhận giữa bị cáo và những người này.

Ngô Tiến D2, Dương Tài L2, Trương Tú A, Ngô Quang A1, Nguyễn Văn G, Lê Xuân T7, Lê Hồng Q, Lê Đình D, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5 đều được gia đình nộp án phí sơ thẩm. Nguyễn Đức T5, Lê Hồng Q ủng hộ bảo lũ 500k.

[3.5] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ; tính chất mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân, vai trò các bị cáo và quyết định hình phạt.

Trong vụ án, D vai trò nguy hiểm nhất phân công các bị cáo bàn nhau ản nấp, phân công một số bị cáo dẫn dụ nhóm Phương T12 ra để đánh. Các bị cáo trong nhóm ản nấp trực tiếp ném chai bia, gạch cùng chịu trách nhiệm trực tiếp gây ra cái chết của bị hại. Do đó dù một số bị cáo có thêm tình tiết mới, nếu vận dụng áp

dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS thì cũng không thể xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt.

Về nhóm bị cáo không trực tiếp phục kích ném gạch, chai bia vào bị hại là T7, L2, G, Hoàng A2, H5: T7 và L2 là người chở các bị cáo khác để dẫn dụ nhóm Phương T12. Xe Lộc chở G, Hoàng A2 bỏ chạy thoát vào trong làng. Còn xe T7, chở H5 chạy ra hướng các bị cáo đang nấp. Do đó vai trò của T7, H5, L2 cao hơn G, Hoàng A2. Trong đó T7, H5 trực tiếp điều nhóm Phương T12 chạy ra chỗ nấp để các bị cáo khác ném gạch, chai bia giúp sức tích cực gây ra hậu quả làm chết bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt với các bị cáo đã phù hợp, nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

L2, G, Hoàng A2 chạy về trong làng nên vai trò thấp hơn. Các bị cáo đã nộp án phí, có thêm tình tiết mới nên có thể chấp nhận đề nghị của Luật sư, Viện kiểm sát xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Bị cáo Hoàng A2 khi phạm tội đủ 18 tuổi, tuy không áp dụng là người dưới 18 tuổi phạm tội. Nhưng bị cáo cũng vừa sang tuổi 18 là độ tuổi nhận thức pháp luật còn hạn chế nên có thể giảm cho bị cáo phần hình phạt nhiều hơn bị cáo L2, G. Bị cáo L2 trực tiếp cầm lái, vai trò nguy hiểm hơn nên hình phạt cao hơn bị cáo G, Hoàng A2 là có căn cứ.

Hoàng Trung H8: có vai trò thấp hơn, chỉ tham gia giai đoạn đầu, tích cực đưa bị hại đi cấp cứu, bị cáo bị xử lý hành vi gây rối trật tự công cộng. Gia đình bị cáo Hoàng Trung H8 hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo có bệnh phế quản mãn tính, hở van tim, em viêm màng não bẩm sinh. Ông bị cáo tham gia cách mạng, là Liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến. Gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh. Xét thấy, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, có nơi cư trú, có công việc làm. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị Luật sư, Viện kiểm sát, giảm cho bị cáo một phần hình phạt và không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật với người ăn năn hối cải, có khả năng cải tạo, phạm tội với vai trò thứ yếu, đảm bảo giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê

Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7. Giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2025/HS-ST ngày 16/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, với các bị cáo như sau:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Lê Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7, phạm tội “Giết người”.

1.2. - Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 39; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Đình D tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2025.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Đặng Thành L 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 56; khoản 5, Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Ngô Tiến D2 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù giam của Bản án số 24/2024/HSST ngày 26/10/2023 của Tòa án Quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 19 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 56; khoản 5, Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Trương Tú A 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt 10 tháng tù giam của Bản án số 24/2024/HSST ngày 26/10/2023 của Tòa án Quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 17 năm 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 56 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ của Bản án số 165/2023/HSST Ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Bị cáo đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 11/12/2023 đến ngày 29/8/2024 (tổng thời gian chấp hành 08 tháng, 18 ngày) 09 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ nay được chuyển thành 03 tháng 04 ngày tù; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 17 năm 03 tháng 04 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 36; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Ngô Quang A1 17 năm tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng của Bản án số

284/2024/HSST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024. (Được trừ thời gian tạm giữ của Bản án số 284/2024/HSST ngày 24/9/2024 từ ngày 24/6/2024 đến ngày 03/7/2024).

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Ngô Vy H4 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T5 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Văn H5 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Xuân T7 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; xử: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2, Dương Tài L2, Hoàng Trung H8; sửa quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2025/HS-ST ngày 16/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, với các bị cáo như sau:

2.1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Đạt Hoàng A2 và Dương Tài L2 phạm tội “Giết người”. Bị cáo Hoàng Trung H8 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2.2. Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 08 (T) năm (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đạt Hoàng A2 08 (T14) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 123; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Dương Tài L2 09 (chín) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Hoàng Trung H8 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 5 (Năm) năm thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Trung H8 cho Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú, thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Đình D, Lê Hồng Q, Đặng Thành L, Ngô Tiến D2, Trương Tú A, Nguyễn Hữu K, Ngô Quang A1, Ngô Vy H4, Nguyễn Đức T5, Lê Văn H5, Lê Xuân T7 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- THADS Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- TTG số 2 - Công an Tp Hà Nội;
- Các bị cáo (qua TTG số 2);
- Bị cáo Hiếu (theo đ/c);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến